TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng KT An toàn và BHLĐ

Tháng 6 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương 100%		Lương QS-ĐD -DT ƯCSC		Giờ PN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**104**		**53.960.000**	**6**	**3.414.000**	**4**	**1.649.808**				**3.150.000**	**0,30**	**480.000**	**62.653.808**	**3.376.900**	**633.300**	**422.300**	**554.900**	**220.000**		**5.207.400**	**57.446.408**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	11.446.000	26	A	15.200.000	3	1.845.000	1	440.231				1.350.000			18.835.231	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000		1.405.900	17.429.331	
2	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	10.483.000	26	A	12.920.000	1	523.000	1	403.192				900.000			14.746.192	838.700	157.300	104.900	136.500	55.000		1.292.400	13.453.792	
3	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	10.483.000	26	A	12.920.000	1	523.000	2	806.385				900.000			15.149.385	838.700	157.300	104.900	140.500	55.000		1.296.400	13.852.985	
4	HL-00877	Đậu Anh Tú	Phó phòng	9.797.000	26	A	12.920.000	1	523.000							0,30	480.000	13.923.000	783.800	147.000	98.000	128.900	55.000		1.212.700	12.710.300	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**148**		**49.966.228**	**7**	**2.502.000**	**2**	**500.577**	**6**	**2.100.000**	**61.153**	**900.000**			**56.029.958**	**2.974.500**	**557.900**	**372.000**	**521.200**	**330.000**	**491.500**	**5.247.100**	**50.782.858**	
5	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	5.609.000	26	A	10.175.890	2	812.000						900.000			11.887.890	448.800	84.200	56.100	113.000	55.000		757.100	11.130.790	
6	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	6.184.000	23	A	7.501.457											7.501.457	494.800	92.800	61.900	68.500	55.000		773.000	6.728.457	
7	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	6.184.000	26	A	8.479.908	2	676.000									9.155.908	494.800	92.800	61.900	85.100	55.000		789.600	8.366.308	
8	HL-00311	Ngô Văn Khánh	Chuyên viên	6.197.000	21	A	6.849.157	1	338.000	1	238.346	6	2.100.000					9.525.503	495.800	93.000	62.000	88.700	55.000	491.500	1.286.000	8.239.503	
9	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	6.184.000	26	A	8.479.908							61.153				8.541.061	494.800	92.800	61.900	78.900	55.000		783.400	7.757.661	
10	HL-00394	Phạm Văn Khánh	Chuyên viên	6.818.000	26	A	8.479.908	2	676.000	1	262.231							9.418.139	545.500	102.300	68.200	87.000	55.000		858.000	8.560.139	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**312**		**108.542.824**	**11**	**3.990.000**	**6**	**1.387.192**							**113.920.016**	**5.630.700**	**1.056.200**	**704.100**	**1.065.300**	**660.000**	**1.218.500**	**10.334.800**	**103.585.216**	
11	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	8.479.908			2	475.692							8.955.600	494.800	92.800	61.900	83.100	55.000	330.000	1.117.600	7.838.000	
12	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	10.175.890			1	237.846							10.413.736	494.800	92.800	61.900	97.600	55.000		802.100	9.611.636	
13	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	10.175.890	1	406.000									10.581.890	494.800	92.800	61.900	99.300	55.000	491.500	1.295.300	9.286.590	
14	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	10.175.890	2	812.000	1	215.731							11.203.621	448.800	84.200	56.100	106.100	55.000		750.200	10.453.421	
15	HL-03935	Bùi Công Thìn	Giám sát AT HL	6.197.000	26	A	8.479.908	1	338.000									8.817.908	495.800	93.000	62.000	81.700	55.000		787.500	8.030.408	
16	HL-02007	Trần Văn Hùng	Giám sát AT HL	6.818.000	26	A	8.479.908	1	338.000	1	262.231							9.080.139	545.500	102.300	68.200	83.600	55.000		854.600	8.225.539	
17	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	8.479.908	1	338.000									8.817.908	448.800	84.200	56.100	82.300	55.000		726.400	8.091.508	
18	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	8.479.908	1	338.000									8.817.908	494.800	92.800	61.900	81.700	55.000	397.000	1.183.200	7.634.708	
19	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	5.098.000	26	A	10.175.890	1	406.000									10.581.890	407.900	76.500	51.000	100.500	55.000		690.900	9.890.990	
20	HL-04145	Trần Quang Duy	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	8.479.908	1	338.000									8.817.908	448.800	84.200	56.100	82.300	55.000		726.400	8.091.508	
21	HL-04394	Nguyễn Văn Mạnh	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	8.479.908	1	338.000									8.817.908	448.800	84.200	56.100	82.300	55.000		726.400	8.091.508	
22	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	5.088.000	26	A	8.479.908	1	338.000	1	195.692							9.013.600	407.100	76.400	50.900	84.800	55.000		674.200	8.339.400	
Tổng cộng					**564**		**212.469.052**	**24**	**9.906.000**	**12**	**3.537.577**	**6**	**2.100.000**	**61.153**	**4.050.000**	**0,30**	**480.000**	**232.603.782**	**11.982.100**	**2.247.400**	**1.498.400**	**2.141.400**	**1.210.000**	**1.710.000**	**20.789.300**	**211.814.482**	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**